TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Án số: 10/2018/HSST
Ngày 15/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Hải Yến

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Ngọc Sử

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Bà Trịnh Lê Nhung – cán bộ Toà án

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên

Ngày 15/3/2018 tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/HSST ngày 09/02/2018 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc H, sinh năm 1993

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Th T, xã M Ch, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: lao động tự do

Con ông Phạm Văn B , sinh năm 1969 và bà Vũ Thị H , sinh năm 1972. Bị cáo có vợ là Vũ Thị T , sinh năm 1993, có một con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/11/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Bình, có mặt tại phiên toà.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Anh Nguyễn Văn H1 , sinh năm 1978 (vắng mặt)

TQ: Thôn Đ Gi, xã Ng X, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình

2. Anh Nguyễn Trung H2 , sinh năm 1990 (vắng mặt)

TQ: Thôn Ng X, xã A H, huyện Qu Ph, tỉnh Thái Bình

3. Anh Lại Hữu H3 , sinh năm 1979 (vắng mặt)

TQ: Thôn V Qu, xã Tr Qu, huyện ĐH, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 15/11/2017 tại khu vực cổng chào cạnh Quốc lộ 39 thuộc địa phận thôn Th S, xã M Ch, huyện ĐH, Công an huyện ĐH phối hợp cùng công an xã M Ch bắt quả tang Phạm Ngọc H đang có hành vi bán trái phép 0,0250gam ma túy loại hêrôin cho Nguyễn Văn H1 lấy 200.000đ. Khi công an đang bắt giữ H thì có một thanh niên cầm hung khí chạy đến giải vây cho H, H bỏ chạy về phía bờ ruộng cạnh đường, khi bỏ chạy H làm rơi 01 điện thoại Nokia cũ, 01 đoạn ống nhựa có chứa ma túy và 01 tờ tiền mệnh giá 200.000đ. Ngay sau đó H bị bắt lại. Cơ quan Công an thu giữ tại mé đường gần chỗ H bị bắt giữ 200.000đ, H khai là tiền vừa bán ma túy cho H1. Quản lý của H 01 điện thoại OPPO. Kiểm tra thu giữ tại túi quần bên trái của H1 02 đoạn ống nhựa dài khoảng 1,5cm được gắn kín hai đầu, bên trong mỗi ống có chứa 01 gói nhỏ gói bằng giấy trắng có dòng kẻ. Mở ra bên trong mỗi gói là chất bột màu trắng dạng cục H1 khai là ma túy, trong đó 01 gói vừa mua của H và 01 gói nhỏ hơn là của H1 có trước đó chưa sử dụng hết. Ngoài ra còn quản lý của H1 01 điện thoại cũ hiệu Nokia.

Quá trình điều tra H còn khai nhận ngoài lần bán ma túy cho H1 bị bắt quả tang, H còn thực hiện hành vi bán ma túy cho H1 02 lần khác vào ngày 14 và ngày 15/11/2017, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 03 giờ sáng ngày 14/11/2017 H3 và H1 đi làm về và gặp nhau tại ngã 3 thị trấn ĐH, cả hai rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng, mỗi người bỏ ra 200.000đ, H1 cầm tiền. H3 điều khiển xe mô tô chở H1, trên đường đi H3 dùng điện thoại di động gọi cho H bảo để cho 02 quả (ý là 02 gói ma túy). H đồng ý và hẹn gặp nhau ở cầu M Ch. Do có quen biết với Bùi Đình Phương N, sinh năm 1988 ở thôn CM, xã Ch D (hiện đang ở trọ nhà anh Lê Xuân N ở cạnh cổng chào xã M Ch) và được N nhờ bán ma túy hộ nên H đi bộ từ nhà đến nhà N trọ để lấy ma túy. Khi ra đến cầu M Ch nhận ra H3 và H1 là người quen đang đứng đợi và là người đã gọi mua ma túy, H mượn xe mô tô của H3 vào nơi N trọ thông báo cho N biết có khách mua 02 gói ma túy. N lấy từ trong người 02 đoạn ống nhựa có chứa ma túy đưa cho H giao hộ và nói giá là 400.000đ. H cầm ma túy và điều khiển xe mô tô ra cầu M Ch trả xe cho H3. H1 đưa cho H 500.000đ, H nhận tiền và đưa cho H1 02 đoạn ống nhựa có chứa gói ma túy giá 400.000đ. Do không có tiền trả lại nên H nợ lại H1 100.000đ. Sau đó H về nhà ngủ, sáng hôm sau mang 500.000đ ra chỗ N trả N và nói nợ lại khách 100.000đ. Còn H3 và H1 mang ma túy về cầu Nguyên Xá sử dụng bằng hình thức chích.

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ ngày 14/11/2017, H cùng N đang ngồi chơi điện tử tại phòng trọ của N thì có H1 gọi điện thoại cho H hỏi mua ma túy. Biết N còn ma túy bán nên H đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 15/11/2017 H1 điện thoại gọi

H chuẩn bị 03 gói ma túy cho H1. H đồng ý và hẹn gặp H1 ở cổng chào xã M Ch. H nói với N có khách lấy 03 quả. N lấy từ người 01 túi nilon có đựng 03 ống nhựa chứa ma túy cho H và nhờ H ra đưa hộ. H cầm túi nilon có đựng ma túy đi bộ ra chỗ hẹn. Khoảng 10 phút sau H1 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Trung H2 đến. H đưa cho H1 túi nilon có 03 đoạn ống chứa ma túy, H1 kiểm tra và đưa cho H 600.000đ, H nhận tiền và trả lại H1 100.000đ còn nợ lúc trước. Sau đó H về phòng trọ đưa tiền cho N, H1, H2 về cầu Nguyên Xá sử dụng hết hơn 02 gói ma túy bằng hình thức chích, còn lại gần 01 gói H1 cất vào túi quần bên trái để hôm sau sử dụng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Ngọc H tại thôn Th T, xã M Ch và nơi ở của anh Lê Xuân N ở thôn Th S, xã M Ch không thu giữ, quản lý gì.

Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng là 01 chiếc điện thoại Nokia cũ và 01 gói ma túy H làm rơi trong lúc bỏ chạy nhưng không tìm được

Tại bản kết luận giám định số 438/KLGĐ-PC54 ngày 16/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định ký hiệu M1 thu của Nguyễn Văn H1 là ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng 0,0250 gam; Mẫu gửi giám định ký hiệu M2 thu của Nguyễn Văn H1 là ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng 0,0239 gam

Bản cáo trạng số 15/KSĐT ngày 09/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Phạm Ngọc H về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên toà bị cáo Phạm Ngọc H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng mô tả. Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2,5 điều 194; điểm p, o khoản 1,2 Điều 46; Điều 45; Điều 33 BLHS 1999; Điều 2 Nghị quyết 41/QH: xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Phạt tiền từ 5 triệu đến 10 triệu đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Bị cáo Phạm Ngọc H nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH2 nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng.

Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa như:

- Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang do Công an huyện Đông Hưng lập hồi 03 giờ 50 phút ngày 15/11/2017.

- Bản kết luận giám định số 438/KLGĐ-PC54 ngày 16/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thái Bình.

- Biên bản kiểm tra điện thoại của H1, H3 và điện thoại quản lý của H.

- Lời khai của những người mua ma túy của H gồm Nguyễn Văn H1, Lại Hữu H3 và Nguyễn Trung H2.

- Lời khai của những người làm chứng ông Vũ Tuấn D, ông Vũ Xuân Â, anh Phan Văn Qu.

Có đủ cơ sở để kết luận Phạm Ngọc H đã 03 lần có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Văn H1. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" được quy định tại Điều 194 BLHS 1999.

Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: ma tuý là hiểm hoạ của nhân loại, nó huỷ hoại sức khoẻ và nhân cách con người, là nguyên nhân gây ra các loại tội phạm khác, vì vậy Đảng và Nhà nước đã có nhiều chương trình hành động nhằm loại ma túy ra khỏi đời sống xã hội và có những chế tài nghiêm khắc nhất đối với các loại tội phạm về ma túy. Bị cáo nhận thức được điều đó nhưng vì hám lời bị cáo vẫn nhiều lần bán ma túy cho những người nghiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018, khi xét xử bị cáo BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật nhưng mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 BLHS 1999 và khoản Điều 251 BLHS 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 bằng nhau, căn cứ vào Điều 2 Nghị quyết 41/QH cần vận dụng điểm b khoản 2 điều 194 BLHS 1999 với tình tiết định khung "phạm tội nhiều lần" để xét xử bị cáo mức án nghiêm khắc vừa để cải tạo giáo dục bị cáo, vừa có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; về tình tiết giảm nhẹ bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tự thú về hành vi phạm tội trước đó, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Tại phiên tòa gia đình bị cáo xuất trình các chứng cứ chứng minh việc ông bà nội bị cáo được hưởng chế độ chính sách như thương

binh, ông bà ngoại được tặng thưởng huân, huy chương vì vậy bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Cần tịch thu tiêu huỷ số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn H1 còn lại sau giám định. Số tiền 200.000đ thu giữ của H là tiền do H bán ma túy mà còn vì vậy cần tịch thu sung công.

Hai chiếc điện thoại di động cũ của H3 và H1 dùng để liên lạc mua ma túy, cơ quan điều tra quản lý để kiểm tra nhật ký điện thoại sau đó đã trả cho H1 và H3. Chiếc điện thoại OPPO quản lý của H qua điều tra xác định là điện thoại của chị Vũ Thị T (vợ H) không liên quan đến hành vi phạm tội cơ quan điều tra đã trả cho chị T.

Đối với Nguyễn Văn H1, Lại Hữu H3 và Nguyễn Trung H2 có hành vi góp tiền mua ma túy của H về sử dụng nhưng lượng ma túy chưa đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nên cơ quan công an đã ra quyết định xử lý hành chính.

Về nguồn gốc số ma túy H khai cả ba lần đều lấy của Bùi Đình Phương N ở xã Ch D hiện đang ở nhờ nhà của anh Lê Xuân N để bán hộ, quá trình bắt H, N là người cầm vật chưa xác định được là gậy hay tuýp sắt giải thoát cho H. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, triệu tập N lên làm việc nhưng hiện tại N không có mặt tại địa phương, ngoài lời khai của H không có tài liệu nào chứng minh hành vi N nhờ H bán ma túy và không có ai khác xác định N là người cầm hung khí tấn công lực lượng công an để giải vây cho H, vì vậy cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với anh Lê Xuân N là người nhờ N trông coi nhà trong những ngày đi vắng, không biết việc N bán ma túy nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"

2. Áp dụng: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 194; điểm o, p khoản 1,2 Điều 46; Điều 45; Điều 33 BLHS 1999: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/11/2017.

Phạt tiền bị cáo 5.000.000đ

3. Về vật chứng: áp dụng điều 106 BLTTHS; điều 41 BLHS 1999:

- Tịch thu tiêu huỷ 0,0228gam Hêrôin đựng trong phong bì niêm phong ký

hiệu M1; 0,0104 gam Hêrôin đựng trong phong bì niêm phong ký hiệu M2 đều có số 438/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình thu giữ của Nguyễn Văn H1 còn lại sau giám định.

- Tịch thu 200.000đ tiền do Phạm Ngọc H bán ma túy mà có để sung công quỹ Nhà nước

(Tất cả được thể hiện chi tiết tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/02/2018 giữa Công an Đông Hưng và Chi cục thi hành án dân sự Đông Hưng)

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc H phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt bị cáo. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lương Hải Yến

Nơi nhận**:**
- VKSND huyện
- Công an huyện
- Bị cáo, NLQ
- Lưu